

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 50

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 3 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên	
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên	
Ông Gum Ki Ho	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023
Ông Lee Jay Seok	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2024
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn - Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn, Giám đốc Quản trị	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2023

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 đề ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành Công ty:





Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 6 năm 2024

Số tham chiếu: 11887657/67390733

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 6 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 6 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		566.824.466.792	742.738.499.288
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	12.399.440.394	46.558.963.158
111	1. Tiền		12.399.440.394	6.558.963.158
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		182.000.000.000	386.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	182.000.000.000	386.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		369.850.448.899	307.215.706.080
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	88.918.611.402	17.310.836.286
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	13.888.794.928	2.324.049.071
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	18.650.000.000	33.869.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	258.857.416.847	265.279.019.121
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(10.464.374.278)	(11.567.198.398)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.574.577.499	2.963.830.050
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		803.740.308	1.173.742.502
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.770.837.191	1.790.087.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.631.679.362.887	2.066.977.934.424
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000.000	104.075.900.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	32	-	99.075.900.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	5.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		650.234.636.019	684.118.420.894
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	646.599.258.124	679.492.285.405
222	Nguyên giá		911.749.870.163	899.594.483.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(265.150.612.039)	(220.102.198.562)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.635.377.895	4.626.135.489
228	Nguyên giá		26.808.529.204	26.554.473.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.173.151.309)	(21.928.337.715)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		761.970.466.552	143.617.722.294
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	761.970.466.552	143.617.722.294
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.136.089.155.063	1.053.567.720.593
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.265.851.401.467	1.109.008.776.974
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(137.020.602.404)	(62.699.412.381)
260	V. Tài sản dài hạn khác		78.385.105.253	81.598.170.643
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	78.385.105.253	81.598.170.643
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.198.503.829.679	2.809.716.433.712

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.011.360.262.436	748.667.468.927
310	I. Nợ ngắn hạn		480.247.598.072	590.400.444.759
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	103.819.127.214	125.255.702.714
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	294.968.602	204.031.450
314	3. Phải trả người lao động		2.788.401.591	2.556.915.940
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	17.634.978.219	17.004.772.352
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	3.731.737.784	5.243.942.758
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	21.089.972.677	18.994.545.611
320	7. Vay ngắn hạn	21	324.971.809.020	418.369.157.484
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	5.916.602.965	2.771.376.450
330	II. Nợ dài hạn		531.112.664.364	158.267.024.168
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	28.735.831.746	20.156.827.588
338	2. Vay dài hạn	21	498.958.710.662	135.705.388.486
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	1.618.249.795	1.560.253.455
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	1.799.872.161	844.554.639
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.187.143.567.243	2.061.048.964.785
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	2.187.143.567.243	2.061.048.964.785
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.900.269.960.000	1.505.960.320.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.900.269.960.000	1.505.960.320.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.062.540.400	331.216.950.400
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		259.811.066.843	223.871.694.385
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.900.473.026	5.603.737.946
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		255.910.593.817	218.267.956.439
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.198.503.829.679	2.809.716.433.712

Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.1	218.274.581.481	221.855.552.594
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	26.1	218.274.581.481	221.855.552.594
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	27	(112.679.046.343)	(96.683.826.859)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		105.595.535.138	125.171.725.735
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	342.531.759.215	251.564.068.591
22	7. Chi phí tài chính	28	(112.638.102.901)	(95.464.974.145)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.129.427.998)	(39.137.423.099)
25	8. Chi phí bán hàng		(550.651.987)	(158.372.662)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(77.028.524.513)	(63.440.429.685)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		257.910.014.952	217.672.017.834
31	11. Thu nhập khác		1.207.253.266	1.654.083.223
32	12. Chi phí khác		(148.678.061)	(37.269.087)
40	13. Lợi nhuận khác		1.058.575.205	1.616.814.136
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		258.968.590.157	219.288.831.970
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(875.884.681)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(57.996.340)	(144.990.850)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		258.910.593.817	218.267.956.439

Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		258.968.590.157	219.288.831.970
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	46.293.227.071	40.616.086.791
03	Các khoản trích lập dự phòng		73.218.365.903	56.140.884.374
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(342.522.971.805)	(251.564.068.591)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	28	38.316.094.663	39.324.089.771
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		74.273.305.989	103.805.824.315
09	Giảm các khoản phải thu		46.197.322.723	43.728.133.606
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		25.949.147.222	(7.310.400.261)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.583.067.584	(363.155.144)
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.494.338.024)	(34.350.640.308)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.209.856)	(862.674.825)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.187.688.122)	(32.613.425.024)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.307.607.516	72.033.662.359
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(545.870.886.236)	(151.865.868.719)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.203.393.304)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(39.400.000.000)	(649.068.680.066)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		258.619.000.000	691.488.756.692
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(97.342.730.000)	(27.619.995.108)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		225.373.379.551	98.291.731.943
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(164.824.629.989)	(38.774.055.258)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	5.946.000.000
33	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(181.000.000)	-
34	Tiền thu từ đi vay		611.150.948.407	459.534.058.663
36	Tiền chi trả nợ gốc vay		(466.265.689.498)	(513.428.802.745)
	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(90.346.759.200)	(185.569.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		54.357.499.709	(48.134.313.082)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.159.522.764)	(14.874.705.981)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		46.558.963.158	61.433.669.139
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	12.399.440.394	46.558.963.158

Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 6 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 3 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 là 107 (ngày 31 tháng 3 năm 2023: 114).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có 14 công ty con (ngày 31 tháng 3 năm 2023: Công ty có 15 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (ii)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây Công ty Cổ phần CMC Consulting) (iii)	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (iv)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (v)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (v)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (v)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty cổ phần CMC Korea (v)	Hàn Quốc	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (v)	Hà Nội	Đào tạo đại học	77,44%	77,44%
Trường Đại học CMC (v)	Hà Nội	Đào tạo đại học	70,47%	91%

(i) Theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Hội Đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc sáp nhập 2 đơn vị thành viên là Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (công ty bị sáp nhập) và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (công ty nhận sáp nhập). Sau khi hoàn thành phương án này, Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn sẽ trở thành một chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, các công ty con đã hoàn thành việc sáp nhập nêu trên

(ii) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.

(iii) Căn cứ Nghị Quyết số 21/2023/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 phê duyệt việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần CMC Consulting từ các cổ đông của Công ty Cổ phần CMC Consulting, dẫn đến tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần CMC Consulting lên 100% đồng thời chuyển đổi Công ty Cổ phần CMC Consulting thành Công ty TNHH CMC Consulting.

(iv) Công ty TNHH CMC Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(v) Tập đoàn gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, Công ty TNHH CMC Global và Công ty TNHH CMC Education.

Căn cứ theo Tờ trình ngày 12 tháng 1 năm 2024, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC với bên mua là Ông Nguyễn Phước Hải với giá trị chuyển nhượng 35 tỷ VND. Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng này trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 vào ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 13 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm về giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập để chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê văn phòng

Thu nhập từ tiền cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn phần vốn hoặc cổ phần chuyển nhượng; và được ghi nhận vào ngày hoàn thành giao dịch chuyển nhượng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.415.376.901	2.513.694.869
Tiền gửi ngân hàng	9.984.063.493	4.045.268.289
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	12.399.440.394	46.558.963.158

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Các khoản tiền gửi ngắn hạn	182.000.000.000	182.000.000.000	386.000.000.000	386.000.000.000
TỔNG CỘNG	182.000.000.000	182.000.000.000	386.000.000.000	386.000.000.000

Các khoản tiền gửi ngắn hạn bao gồm:

- ▶ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 7,3%/năm đến 9,2%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2023: từ 7,1%/năm đến 13,1%/năm); và
- ▶ Công ty đã sử dụng 150 tỷ VND chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh số 21).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	9.032.550.099	1.309.355.389
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	79.886.061.303	16.001.480.897
TỔNG CỘNG	88.918.611.402	17.310.836.286
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(938.064.932)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng Vân Khánh	9.736.000.000	-
Công ty Cổ phần Design & Build	3.280.996.199	446.885.938
Trả trước cho người bán khác	348.398.729	1.877.163.133
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	523.400.000	-
TỔNG CỘNG	13.888.794.928	2.324.049.071
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(164.759.188)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	18.650.000.000	33.869.000.000
TỔNG CỘNG	18.650.000.000	33.869.000.000

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan được trình bày như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	18.650.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả tại ngày đáo hạn khoản vay với khoản trả nợ cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2025.	8%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của bên đi vay.
TỔNG CỘNG	18.650.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	215.180.000.000	-	163.275.323.545	-
Lãi dự thu	1.767.262.030	-	11.843.769.842	-
Các khoản chi hộ	11.213.818.566	(6.250.054.277)	11.602.710.802	(6.250.054.278)
Tạm ứng cho nhân viên	24.186.669.422	-	17.435.913.901	-
Phải thu về đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	-	-	55.739.880.900	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	3.009.666.829	(714.320.000)	1.881.420.131	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	258.857.416.847	(10.464.374.277)	265.279.019.121	(10.464.374.278)
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	234.171.334.775	(6.250.054.277)	176.282.967.489	(6.250.054.278)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	24.686.082.072	(4.214.320.000)	88.996.051.632	(4.214.320.000)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

9. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CMC				
Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	714.320.000	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	10.464.374.278	-	11.567.198.398	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND					
Nguyên giá:					
Số đầu năm	559.269.262.348	330.186.734.261	6.442.280.000	3.696.207.358	899.594.483.967
- Mua trong năm	-	-	-	231.627.273	231.627.273
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.014.466.913	7.112.685.314	-	-	13.127.152.227
- Thanh lý tài sản	(1.203.393.304)	-	-	-	(1.203.393.304)
Số cuối năm	564.080.335.957	337.299.419.575	6.442.280.000	3.927.834.631	911.749.870.163
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	84.433.520.554	-	3.696.207.358	88.129.727.912
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	68.580.023.445	144.590.857.567	3.235.110.192	3.696.207.358	220.102.198.562
- Khấu hao trong năm	22.786.035.192	21.735.619.136	485.518.997	41.240.152	45.048.413.477
Số cuối năm	91.366.058.637	166.326.476.703	3.720.629.189	3.737.447.510	265.150.612.039
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	490.689.238.903	185.595.876.694	3.207.169.808	-	679.492.285.405
Số cuối năm	472.714.277.320	170.972.942.872	2.721.650.811	190.387.121	646.599.258.124

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, một số tài sản cố định hữu hình được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	195.615.549	26.157.509.474	201.348.181	26.554.473.204
- Mua trong năm	-	-	254.056.000	254.056.000
Số cuối năm	195.615.549	26.157.509.474	455.404.181	26.808.529.204
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	195.615.549	18.623.124.229	201.348.181	19.020.087.959
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	195.615.549	21.531.373.985	201.348.181	21.928.337.715
- Hao mòn trong năm	-	1.209.528.038	35.285.556	1.244.813.594
Số cuối năm	195.615.549	22.740.902.023	236.633.737	23.173.151.309
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	4.626.135.489	-	4.626.135.489
Số cuối năm	-	3.416.607.451	218.770.444	3.635.377.895

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" (*)	597.752.716.678	-
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (**)	159.341.909.836	142.270.511.094
Phần mềm SAP Finance (giai đoạn 2)	2.631.360.000	1.347.211.200
Dự án tổ hợp nghiên cứu, đổi mới sáng tạo CMC - CMC Creative Space Hòa Lạc (CCS Hòa Lạc)	2.244.480.038	-
TỔNG CỘNG	761.970.466.552	143.617.722.294

(*) Đây là dự án xây dựng Khu phức hợp văn phòng, trung tâm thương mại của Công ty tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội. Công ty sử dụng toàn bộ quyền phát sinh, tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

(**) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 31 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023: 4,3 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC" và Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty con	1.265.851.401.467	(137.020.602.404)	1.128.830.799.063	1.109.008.776.974	(62.699.412.381)	1.046.309.364.593	
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	310.000.000.000	-	310.000.000.000	310.000.000.000	-	310.000.000.000	
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (i)	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-	-	-	
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC (ii)	-	-	-	10.300.105.507	(10.300.105.507)	-	
Công ty TNHH CMC Global (iii)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000	
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây là Công ty Cổ phần CMC Consulting) (iv)	40.030.983.260	(18.024.399.971)	22.006.583.289	10.230.983.260	(10.230.983.260)	-	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	284.223.784.352	-	284.223.784.352	284.223.784.352	-	284.223.784.352	
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100.000.000.000	(1.725.018.889)	98.274.981.111	100.000.000.000	(2.948.502.537)	97.051.497.463	
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	
Công ty TNHH CMC Education (iii)	281.232.097.855	(71.906.647.544)	209.325.450.311	213.889.367.855	(33.855.285.077)	180.034.082.778	
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
TỔNG CỘNG	1.273.109.757.467	(137.020.602.404)	1.136.089.155.063	1.116.267.132.974	(62.699.412.381)	1.053.567.720.593	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(i) Căn cứ theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 13 tháng 3 năm 2024, ký kết giữa Công ty (Bên nhận chuyển nhượng vốn) và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (Bên chuyển nhượng) nhằm mua lại toàn bộ phần vốn góp của Bên chuyển nhượng tại Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC với giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ VND, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng này trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (ii) Căn cứ theo Nghị Quyết số 32/2023/HQ-HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC với bên mua là Ông Nguyễn Phước Hải với giá trị chuyển nhượng 35 tỷ VND. Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng này trong năm.
- (iii) Căn cứ theo Nghị Quyết số 19/2023/HQ-HĐQT ngày 16 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt về việc tăng vốn điều lệ cho các công ty thành viên để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và tái đầu tư năm 2023. Công ty đã góp vốn bổ sung tại các đơn vị này trong kỳ thông qua hình thức góp vốn bằng tiền và cân trừ công nợ.
- (iv) Căn cứ Nghị Quyết số 21/2023/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 phê duyệt việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại CMC Consulting từ các cổ đông cá nhân khác của công ty này, dẫn đến tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần CMC Consulting lên 100% đồng thời chuyển đổi từ loại hình công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên.

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC				
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây là Công ty Cổ phần CMC Consulting)	100%	100%	51%	51%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	-	-	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty nắm giữ 41,14% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước	75.685.129.483	79.790.522.311
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	775.961.242	1.025.953.817
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.924.014.528	781.694.515
TỔNG CỘNG	78.385.105.253	81.598.170.643

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	97.696.851.188	97.696.851.188	97.211.427.021	97.211.427.021
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	58.566.272.367	58.566.272.367	61.943.004.976	61.943.004.976
- Công ty TNHH Phát triển THT	28.811.753.795	28.811.753.795	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	-	-	21.589.443.925	21.589.443.925
- Các nhà cung cấp khác	10.318.825.026	10.318.825.026	13.678.978.120	13.678.978.120
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.122.276.026	6.122.276.026	28.044.275.693	28.044.275.693
TỔNG CỘNG	103.819.127.214	103.819.127.214	125.255.702.714	125.255.702.714

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	10.909.346.152	(10.909.346.152)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.209.856	-	(13.209.856)	-
Thuế thu nhập cá nhân	190.821.594	5.984.206.029	(5.880.059.021)	294.968.602
Thuế khác	-	819.656.169	(819.656.169)	-
TỔNG CỘNG	204.031.450	17.713.208.350	(17.622.271.198)	294.968.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng, sửa chữa	8.151.072.218	9.927.618.088
Lãi vay phải trả	5.774.702.707	4.954.879.718
Chi phí dịch vụ	2.795.435.808	1.212.075.637
Chi phí thuê đất	418.715.250	418.715.250
Chi phí khác	495.052.236	491.483.659
TỔNG CỘNG	17.634.978.219	17.004.772.352

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba đang thuê diện tích văn phòng tại tòa nhà CMC Tower và tòa nhà CMC Creative Space.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.233.008.010	8.212.536.118
Phải trả tiền lãi vay	8.616.736.451	5.860.413.213
Cổ tức phải trả	1.721.282.550	1.711.795.715
Kinh phí công đoàn	108.764.104	501.169.604
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.410.181.562	2.708.630.961
TỔNG CỘNG	21.089.972.677	18.994.545.611
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.735.831.746	20.156.827.588
TỔNG CỘNG	28.735.831.746	20.156.827.588
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	8.616.736.451	5.877.413.213
<i>Phải trả dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	25.711.759.851	18.691.213.036
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba</i>	12.473.236.226	13.117.132.398
<i>Phải trả dài hạn khác cho bên thứ ba</i>	3.024.071.895	1.465.614.552

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay thấu chi ngân hàng	-	-	116.776.671.650	(116.776.671.650)	-	-	-
Vay hạn mức ngân hàng (Thuyết minh 21.1)	-	-	60.000.509.079	(32.777.328.464)	27.223.180.615	27.223.180.615	27.223.180.615
Vay đối tượng khác (Thuyết minh 21.2)	61.053.331.940	61.053.331.940	86.713.135.155	(16.051.559.037)	131.714.908.058	131.714.908.058	131.714.908.058
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	91.626.410.000	91.626.410.000	223.000.000.000	(224.626.410.000)	90.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	16.249.415.528	16.249.415.528	76.033.720.347	(16.249.415.528)	76.033.720.347	76.033.720.347	76.033.720.347
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	249.440.000.016	249.440.000.016	300.015.555.531	(549.455.555.547)	-	-	-
TỔNG CỘNG	418.369.157.484	418.369.157.484	862.539.591.762	(955.936.940.226)	324.971.809.020	324.971.809.020	324.971.809.020
Dài hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh 21.3)	135.705.388.486	135.705.388.486	347.660.632.523	(76.033.720.347)	407.332.300.662	407.332.300.662	407.332.300.662
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	-	91.626.410.000	-	91.626.410.000	91.626.410.000	91.626.410.000
TỔNG CỘNG	135.705.388.486	135.705.388.486	439.287.042.523	(76.033.720.347)	498.958.710.662	498.958.710.662	498.958.710.662

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Đây là các khoản vay hạn mức từ một số ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5% - 6,5%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 1 năm 2025. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 7% đến 8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

21.3 Khoản vay dài hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	199.974.068.279	Kỳ hạn vay 72 tháng. Gốc và lãi vay được thanh toán theo kế hoạch trả nợ được ngân hàng thông báo. Đáo hạn cuối cùng ngày 25 tháng 11 năm 2032	7,7%-10,4%	Toàn bộ máy móc, thiết bị, tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" và Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, Lô Vb.27b-28-29 đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	283.391.952.730	Kỳ hạn vay 60 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được trả hàng tháng. Đáo hạn cuối cùng ngày 27 tháng 4 năm 2028	8,7%	Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt với giá trị 150 tỷ đồng Việt Nam và toàn bộ quyền phát sinh, tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án " Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".

TỔNG CỘNG

483.366.021.009

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 76.033.720.347
- Vay dài hạn 407.332.300.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	2.771.376.450	3.897.079.253
Trích lập quỹ trong năm	17.461.436.515	12.900.067.196
Sử dụng quỹ trong năm	(14.316.210.000)	(14.025.769.999)
Số dư cuối năm	5.916.602.965	2.771.376.450

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	844.554.639	2.649.774.479
Trích lập quỹ trong năm	24.826.795.644	16.782.435.185
Sử dụng quỹ trong năm	(23.871.478.122)	(18.587.655.025)
Số dư cuối năm	1.799.872.161	844.554.639

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					Đơn vị tính: VND	
					Thặng dư	Lợi nhuận sau thuế
					vốn cổ phần	chưa phân phối
					Vốn cổ phần	
					đã phát hành	
						Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm					1.089.988.830.000	176.972.900.327
- Lợi nhuận thuần trong năm					-	1.866.517.510.727
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					-	218.267.956.439
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ					-	(12.900.067.196)
- Táng vốn từ thặng dư vốn cổ phần					-	(16.782.435.185)
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn					268.338.830.000	-
cho người lao động ("ESOP")						
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu					5.946.000.000	-
					141.686.660.000	5.946.000.000
Số cuối năm					331.216.950.400	223.871.694.385
					1.505.960.320.000	2.061.048.964.785
Năm nay						
Số đầu năm					1.505.960.320.000	223.871.694.385
- Lợi nhuận thuần trong năm					-	2.061.048.964.785
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)					-	258.910.593.817
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)					-	(17.461.436.515)
- Táng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (i)					-	(24.826.795.644)
- Hủy ESOP đã phát hành					304.154.410.000	-
- Chia cổ tức bằng tiền (i)					(181.000.000)	(181.000.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)					90.336.230.000	(90.346.759.200)
Số cuối năm					27.062.540.400	259.811.066.843
					1.900.269.960.000	2.187.143.567.243

(i) Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu và tiền mặt từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và trích lập các quỹ khen thưởng và phát triển khoa học công nghệ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2023/NQ ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của các đối tượng khác	190.026.996	190.026.996	-	150.596.032	150.596.032	-
TỔNG CỘNG	190.026.996	190.026.996	-	150.596.032	150.596.032	-

Đơn vị tính: Cổ phiếu

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
Tăng trong năm	394.490.640.000	415.971.490.000
Giảm trong năm	(181.000.000)	-
Số cuối năm	1.900.269.960.000	1.505.960.320.000
Cổ tức đã công bố	180.715.240.000	141.686.660.000
Cổ tức đã trả	180.682.989.200	141.686.660.000
Trong đó:		
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	90.336.230.000	141.686.660.000
Cổ tức trả bằng tiền	90.346.759.200	185.569.000

24.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: Cổ phiếu	
	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	190.026.996	150.596.032
Cổ phiếu đăng ký phát hành	190.026.996	150.596.032
Cổ phiếu phổ thông	190.026.996	150.596.032
Cổ phiếu đang lưu hành	190.026.996	150.596.032
Cổ phiếu phổ thông	190.026.996	150.596.032

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 3 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	31.611,16	1.119

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	218.274.581.481	221.855.552.594
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	216.044.444.694	218.919.423.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.230.136.787	2.936.129.032
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	218.274.581.481	221.855.552.594
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	48.478.680.344	36.024.167.429
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	169.795.901.137	185.831.385.165

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	284.433.290.455	172.853.516.468
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.389.786.857	36.652.832.573
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	24.699.894.493	42.057.719.550
Doanh thu khác	8.787.410	-
TỔNG CỘNG	342.531.759.215	251.564.068.591

27. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	111.527.791.421	95.404.272.718
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.151.254.922	1.279.554.141
TỔNG CỘNG	112.679.046.343	96.683.826.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	74.321.190.023	56.140.884.374
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	38.316.094.663	39.324.089.771
Chi phí khác	818.215	-
TỔNG CỘNG	112.638.102.901	95.464.974.145

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	39.228.484.696	39.090.289.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.251.914.318	14.344.957.137
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.845.447.998	3.000.780.464
Chi phí vật liệu	145.451.353	120.172.926
Các chi phí khác	11.557.226.148	6.884.229.553
TỔNG CỘNG	77.028.524.513	63.440.429.685

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	145.451.353	120.172.926
Chi phí nhân công	39.228.484.696	39.112.280.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.074.394.582	62.153.236.143
Chi phí khấu hao và hao mòn	46.293.227.071	40.616.086.791
Chi phí khác	23.516.665.141	18.280.853.022
TỔNG CỘNG	190.258.222.843	160.282.629.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	258.968.590.157	219.288.831.970
Các điều chỉnh tăng/(giảm)		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	334.000.000	436.800.000
Các khoản điều chỉnh khác	465.014.116	289.981.704
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(284.433.290.455)	(172.853.516.468)
Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần không chịu thuế	-	(42.057.719.550)
(Lỗ)/thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	(24.665.686.182)	5.104.377.656
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	-	1.020.875.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.618.249.795	1.560.253.455		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			57.996.340	144.990.850

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Japan	Công ty con
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC	Công ty con
Trường Đại học CMC	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết
Các cá nhân thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành như đã được đề cập ở phần Thông tin chung	Các cá nhân là nhân sự chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

				Đơn vị tính: VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.355.102.301	10.431.201.916
		Mua dịch vụ	8.118.098.919	735.629.764
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	-	40.000.000.000
		Lợi nhuận được chia	58.980.000.000	14.600.000.000
		Giảm trừ lợi nhuận đã được chia năm 2021	-	6.620.712.077
		Phải thu lãi cho vay	68.949.699	-
		Chuyển nhượng cổ phần	-	99.075.900.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	40.000.000.000	136.867.370.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	125.808.847.809	127.916.782.688
		Mua dịch vụ	1.834.370.270	1.820.163.865
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Lợi nhuận được chia	35.606.480.455	-
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	-	160.861.259.550
		Đặt cọc thuê văn phòng	5.902.577.985	16.412.012.266
		Cổ tức được chia bằng cổ phiếu	-	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.576.663.670	2.598.399.676
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	14.589.325.209	-
		Mua dịch vụ	1.312.781.132	1.630.105.616
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	42.100.000.000	12.100.000.000
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	49.200.000.000	10.000.000.000
		Phải thu lãi cho vay	145.260.274	435.769.863
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.068.825.539	3.404.975.475
		Mua dịch vụ	478.000.000	3.530.000.000
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Thanh lý tài sản	1.295.978.075	-
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	40.000.000.000	-
		Cho vay ngắn hạn	7.400.000.000	11.250.000.000
		Phải thu lãi cho vay	1.115.227.408	385.528.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn Doanh thu cung cấp dịch vụ Phải thu lãi cho vay Mua dịch vụ, hàng hóa Đặt cọc thuê văn phòng Thu hồi gốc vay	26.448.606.851 4.138.475.667 618.077.150 512.673.062 608.768.000 41.967.606.851	12.257.000.000 8.489.166.302 1.394.822.021 6.618.610.455 - -
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ Góp vốn bằng bù trừ công nợ Mua dịch vụ Đặt cọc thuê văn phòng Lợi nhuận được chia Lãi vay phải trả	18.296.263.576 - 446.157.486 - 163.105.680.000 1.136.657.535	27.954.919.369 40.000.000.000 439.320.000 2.279.200.770 147.195.323.545 -
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	26.741.030.000	17.484.515.000
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.640.000	12.980.000
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ Trả gốc vay Lãi vay phải trả Gốc đi vay	2.220.000.000 - 2.756.323.238 -	2.936.129.032 5.373.590.000 2.888.358.418 94.626.410.000
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ Phải thu lãi cho vay Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	- - 67.342.730.000	746.368.227 241.643.835 37.619.995.108
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	1.321.082.575 366.226.327	1.340.462.480 98.239.257
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	Chuyển nhượng Công ty con	35.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay ngắn hạn và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 6.250.054.278 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 3 năm 2023: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần (*)	59.075.900.000	-
		Phải thu cung cấp dịch vụ	493.058.280	2.136.624.352
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	18.524.896.481	4.993.513.980
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.171.631.671	3.394.808.284
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	5.020.541.935
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	495.225.987	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	423.335.514
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	125.348.884	-
Trường Đại học CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	32.656.832
TỔNG CỘNG			79.886.061.303	16.001.480.897
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng (Mã số 211)</i>				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần (*)	-	99.075.900.000
TỔNG CỘNG			-	99.075.900.000

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC cho Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với thời hạn thanh toán là ngày 30 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	506.400.000	-
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	17.000.000	-
TỔNG CỘNG			523.400.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	18.650.000.000	11.250.000.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	-	15.519.000.000
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu về cho vay	-	7.100.000.000
TỔNG CỘNG			18.650.000.000	33.869.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	163.300.000.000	147.001.003.545
		Phải thu chi hộ	110.318.790	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	601.036.375	369.744.275
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	51.880.000.000	14.600.000.000
		Phải thu chi hộ	3.216.865.369	2.773.915.306
		Phải thu lãi cho vay	68.949.699	-
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu khác	-	2.349.535.800
		Phải thu chi hộ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)				
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.480.000.000
		Phải thu chi hộ	200.000.000	71.211.911
		Phải thu lãi cho vay	-	559.057.534
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	8.191.211.935	748.970.000
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	16.887.590	-
		Phải thu lãi cho vay	288.208.222	-
Các đối tượng khác	Công ty con	Phải thu chi hộ	47.802.517	79.474.840
TỔNG CỘNG			234.171.334.775	176.282.967.489
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	5.709.336.026	25.639.829.791
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Mua dịch vụ	412.720.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	220.000	495.693
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	-	2.403.950.209
TỔNG CỘNG			6.122.276.026	28.044.275.693
Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	7.221.673.800	-
TỔNG CỘNG			7.221.673.800	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả khác	8.616.736.451	5.860.413.213
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải trả khác	-	17.000.000
TỔNG CỘNG			8.616.736.451	5.877.413.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	22.314.590.251	16.412.012.266
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	2.788.401.600	2.279.200.770
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	608.768.000	-
TỔNG CỘNG			25.711.759.851	18.691.213.036
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
Trường Đại học CMC	Công ty con	Vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (**)	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	91.626.410.000
TỔNG CỘNG			90.000.000.000	91.626.410.000

(**) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2024 và chịu lãi suất là 3%/năm.

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Vay dài hạn	91.626.410.000	-
TỔNG CỘNG			91.626.410.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Phước Hải	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	312.000.000	435.800.000
	Thành viên HĐQT		
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	79.200.000	223.200.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính	480.000.000	1.101.000.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 7 năm 2023	26.400.000	79.200.000
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 7 năm 2023	52.800.000	-
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc	1.008.630.952	865.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 6 tháng 2 năm 2024	93.000.000	66.400.000
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 23 tháng 6 năm 2022	-	33.200.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 26 tháng 7 năm 2023	20.000.000	60.000.000
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 26 tháng 7 năm 2023	40.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 6 tháng 2 năm 2024		
	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 6 tháng 2 năm 2024	66.600.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		2.653.830.952	3.399.000.000

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Lĩnh vực cho thuê văn phòng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
ra bên ngoài	216.044.444.694	2.230.136.787	218.274.581.481
Tổng doanh thu	216.044.444.694	2.230.136.787	218.274.581.481
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	104.516.653.273	1.078.881.865	105.595.535.138
Chi phí bán hàng	(550.651.987)	-	(550.651.987)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			153.923.707.006
Lợi nhuận thuần trước thuế			258.968.590.157
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(57.996.340)
Lợi nhuận thuần sau thuế			258.910.593.817
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	673.745.186.809	7.429.241.935	681.174.428.744
Tài sản không phân bổ (ii)			2.517.329.400.935
Tổng tài sản			3.198.503.829.679
Nợ phải trả bộ phận	3.731.737.784	-	3.731.737.784
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			1.017.628.524.652
Tổng nợ phải trả			1.021.360.262.436
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
ra bên ngoài	218.919.423.562	2.936.129.032	221.855.552.594
Tổng doanh thu	218.919.423.562	2.936.129.032	221.855.552.594
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	123.515.150.844	1.656.574.891	125.171.725.735
Chi phí bán hàng	(158.372.662)	-	(158.372.662)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			94.275.478.897
Lợi nhuận thuần trước thuế			219.288.831.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(875.884.681)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(144.990.850)
Lợi nhuận thuần sau thuế			218.267.956.439
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	504.983.960.211	80.165.135	505.064.125.346
Tài sản không phân bổ (ii)			2.304.652.308.366
Tổng tài sản			2.809.716.433.712
Nợ phải trả bộ phận	5.243.942.758	-	5.243.942.758
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			743.423.526.169
Tổng nợ phải trả			748.667.468.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN;
- (ii) Ngoại trừ khoản mục phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình được phân bổ theo từng bộ phận, các tài sản còn lại là tài sản không được phân bổ;
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả người lao động, phải trả khác, thuế, vay và nợ thuê tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 45,6 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm (*)	Số đầu năm
Dưới 1 năm	179.007.784.651	143.765.979.317
Từ 1 năm - 5 năm	374.105.277.526	310.805.670.279
Trên 5 năm	130.739.538.439	138.356.136.438
TỔNG CỘNG	683.852.600.616	592.927.786.034

(*) Số tiền cam kết cho thuê hoạt động tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 bao gồm các khoản cam kết từ các bên liên quan với tổng số tiền vào khoảng 518 tỷ VND.

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.787.562.200	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	6.505.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	27.893.767.500	29.067.549.424
TỔNG CỘNG	37.186.709.700	34.330.524.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 5 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP năm tài chính 2022. Tổng số tiền thu được sau đợt phát hành là 4.123.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 1.904.392.960.000 VND, tương ứng với 190.439.296 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Hồng Phương
Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 6 năm 2024